TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu

1. Căn cứ.

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Bộ Nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam 2026;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

2. Vấn đề.

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng và công bố Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026 hướng dẫn áp dụng thông lệ tốt nhất trong quản trị công ty dành cho công ty đại chúng.
- Để áp dụng theo Bộ Nguyên tắc và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Kiến nghị.

Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu theo dự thảo đính kèm.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Phụ lục 2: Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu)

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị (điều chỉnh khoản 3, và bổ sung khoản 8,9,10)			
1	3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp **không được biểu quyết** vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về quyết định của mình.	3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp **không được tham gia, biểu quyết** vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về quyết định của mình.	- Theo Nguyên tắc và Thông lệ quản trị công ty tốt của ASEAN; - Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026; - Và không trái quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Theo ACGS và VNCG Code")
2	Chưa có	8. Nâng cao năng lực chuyên môn thông qua các khóa đào tạo, các buổi đào tạo chuyên sâu được thiết kế riêng cho các thành viên Hội đồng quản trị do Ngân hàng tổ chức hoặc do Ngân hàng tìm kiếm và chi trả toàn bộ chi phí liên quan.	Theo ACGS và VNCG Code
3	Chưa có	9.Thành viên Hội đồng quản trị và vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị không được vay hoặc đảm bảo cho cá nhân/tổ chức khác vay vốn tại Ngân hàng, trừ	Đưa rõ thành quy định; thực tế đang thực hiện, theo luật Các tổ chức tín dụng.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
		trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.	
4	Chưa có	10.Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện rà soát các giao dịch bên liên quan (giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trọng yếu, quan trọng nhằm đảm bảo các giao dịch này phục vụ tốt nhất cho Ngân hàng và cổ đông.	Theo ACGS và VNCG Code
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (bổ sung điểm b khoản 2)			
5	Chưa có	b.Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Ngân hàng	Theo ACGS và VNCG Code (Đưa rõ thành quy định; thực tế đang thực hiện.)
6	Chưa có	x. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp ACB là đối tượng sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị phải thuê một bên độc lập để đánh giá sự hợp lý của giá trị giao dịch đó.	Phù hợp với Điều lệ; Theo ACGS và VNCG Code.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
7	Chưa có	y. Quyết định **mức bồi thường** trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản **là do nguyên nhân chủ quan**.[1]	Theo Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.
Điều…. Xây dựng, theo dõi và giám sát việc thực hiện chiến lược của Ngân hàng (bổ sung mới)			
8	Chưa có	1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng, thông qua và giám sát việc thực hiện chiến lược hoạt động của Ngân hàng. 2. Hội đồng quản trị thông qua đơn vị giúp việc của mình để triển khai, hoặc theo dõi việc triển khai chiến lược. Đơn vị giúp việc phải báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của Ngân hàng cho các thành viên Hội đồng quản trị tại các kỳ họp định kỳ, hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị, hoặc khi có yêu cầu từ các thành viên Hội đồng quản trị. 3. Trên cơ sở báo cáo của đơn vị giúp việc, Hội đồng quản trị đánh giá và quyết định việc điều chỉnh chiến lược (nếu có).	Theo ACGS và VNCG Code
Điều 17. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị			
9	1. Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cơ cấu, chức năng và	1. Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. **Cơ**	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế và với quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ

[1] Khoản 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
	nhiệm vụ của hai ủy ban này thực hiện theo Điều 18 và Điều 19 của Quy chế này.	**cấu, chức năng và nhiệm vụ của hai ủy ban này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.**	chức tín dụng ("Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước."
Điều 18. Ủy ban quản lý rủi ro (Hủy bỏ)			
10	~~1.Ủy ban Quản lý rủi ro gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ nhiệm Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tối thiểu 01 (một) thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.~~ ~~2. Ủy ban Quản lý rủi ro có các chức năng, nhiệm vụ sau:~~ ~~a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.~~ ~~b. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể~~	Hủy bỏ	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế là các nội dung chi tiết về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của từng Ủy ban được ghi nhận tại Quy chế liên quan do Hội đồng quản trị ban hành.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
	~~ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.~~ ~~c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.~~ ~~d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.~~ ~~e. Các chức năng, nhiệm vụ khác quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro.~~		
Điều 19. Ủy ban nhân sự (Hủy bỏ)			
11	~~1. Ủy ban Nhân sự gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ nhiệm Ủy ban. Ủy ban Nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.~~ ~~2. Ủy ban Nhân sự có chức năng, nhiệm vụ sau:~~	Hủy bỏ	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế là các nội dung chi tiết về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của từng Ủy ban được ghi nhận tại Quy chế liên quan do Hội đồng quản trị ban hành.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
	~~a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị về vấn đề tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Ngân hàng.~~ ~~b. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về cơ cấu quản trị điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng chiến lược phát triển của Ngân hàng.~~ ~~c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.~~ ~~d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.~~ ~~e. Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng.~~ ~~f. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự.~~		
Điều 20. Cuộc họp Hội đồng quản trị (điều chỉnh khoản 7, điểm a khoản 10)			

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ
12	7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 (ba) ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.	7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **05 (năm) ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.	Theo ACGS và VNCG Code
13	10. Biểu quyết: a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép **tham gia biểu quyết** đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để **tham gia biểu quyết** vấn đề đó.	10. Biểu quyết: a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép **tham gia thảo luận, biểu quyết** đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để **tham gia thảo luận, biểu quyết** vấn đề đó.	Theo ACGS và VNCG Code

(Những điểm điều chỉnh: được in đậm)

PHỤ LỤC 2: QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ.26 ngày tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu)

DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Giải thích từ ngữ 3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu 5
Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị 5
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị 6
Điều 10. Đương nhiên mất tư cách 6
Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 7
Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị 7
Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 8
Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 9
Điều 16. Xây dựng, theo dõi và giám sát việc thực hiện chiến lược của Ngân hàng 12
Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 12
Điều 18. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị. 13
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị 13
Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị 16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 16
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 17
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm 17
Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 18
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan 18

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 19
Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành 19
Điều 27. Mối quan hệ với Ban kiểm soát 19
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 19
Điều 28. Hiệu lực thi hành 19

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và các quy định pháp luật khác.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu ("***Ngân hàng***").

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *"Luật Các TCTD"*, là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
2. *"Người điều hành"*, là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
3. *"Người quản lý"*, là Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; và Tổng giám đốc.
4. *"Thành viên độc lập"*, là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Các TCTD.
5. *"Cổ đông lớn"*, là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
6. *"Người có liên quan"*, là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác, được quy định cụ thể tại Luật Các TCTD.
7. *"Công ty con"* của Ngân hàng, là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật Các TCTD.

Các thuật ngữ, từ ngữ viết tắt trong Quy chế này nếu không được quy định, giải thích tại Quy chế này thì được giải thích theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc (và các đơn vị liên quan) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp không được tham gia, biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
4. Được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, trừ các nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các TCTD.
5. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
7. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
8. Nâng cao năng lực chuyên môn thông qua các khóa đào tạo, các buổi đào tạo chuyên sâu được thiết kế riêng cho các thành viên Hội đồng quản trị do Ngân hàng tổ chức hoặc do Ngân hàng tìm kiếm và chi trả toàn bộ chi phí liên quan.
9. Thành viên Hội đồng quản trị và vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị không được vay hoặc đảm bảo cho cá nhân/tổ chức khác vay vốn tại Ngân hàng, trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.
10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện rà soát các giao dịch bên liên quan (giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trọng yếu, quan trọng nhằm đảm bảo các giao dịch này phục vụ tốt nhất cho Ngân hàng và cổ đông.
11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý và người điều hành khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài

chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, các đơn vị trong Ngân hàng và công ty con của Ngân hàng.

2. Người quản lý, người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Luật Các TCTD;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ từ đại học trở lên.
4. Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
5. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.

3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
4. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
   b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
   c. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
   d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
   e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
   f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
   g. Ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
   h. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
   i. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
   j. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
   k. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
   l. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật Các TCTD;
b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
c. Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
e. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
f. Bị chết.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị sau khi đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
   b. Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
   d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn (văn bản) gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi NHNN xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử

viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
   a. Họ tên,
   b. Ngày, tháng, năm sinh;
   c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
   d. Quá trình công tác;
   e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);
   f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
   g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật Các TCTD.

b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Ngân hàng.

c. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thù lao và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, Thư ký công ty, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành đó.

e. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

f. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

g. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

h. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng) giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

j. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

k. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính.

l. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

m. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

n. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của Ngân hàng.

o. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

p. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

q. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

r. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

s. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

t. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

u. Có thể ủy quyền cho các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ những nội dung không được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

v. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

w. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

x. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Ngân hàng là đối tượng sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị phải thuê một bên độc lập để đánh giá sự hợp lý của giá trị giao dịch đó.

y. Quyết định mức bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản là do nguyên nhân chủ quan[1].

z. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

[1] Khoản 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ Ngân hàng, và gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 16. Xây dựng, theo dõi và giám sát việc thực hiện chiến lược của Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng, thông qua và giám sát việc thực hiện chiến lược hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị thông qua đơn vị giúp việc của mình để triển khai, hoặc theo dõi việc triển khai chiến lược. Đơn vị giúp việc phải báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của Ngân hàng cho các thành viên Hội đồng quản trị tại các kỳ họp định kỳ, hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị, hoặc khi có yêu cầu từ các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trên cơ sở báo cáo của đơn vị giúp việc, Hội đồng quản trị đánh giá và quyết định việc điều chỉnh chiến lược (nếu có).

Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
   b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
   c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị hoặc số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc các văn bản pháp luật có liên quan;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
   e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
   f. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
   g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc cần thiết theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 18. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của hai ủy ban này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban khác hoạt động thường xuyên, hoặc hoạt động để giải quyết một hoặc một số vấn đề nhất định và tự động giải thể khi kết thúc công việc. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quy định.
3. Văn phòng Hội đồng quản trị là đơn vị giúp việc cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
   d. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
   e. Có đề nghị của Tổng giám đốc.
4. Đề nghị họp bất thường quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, e khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quyết định.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu họp đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.
10. Biểu quyết:
    a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia thảo luận, biểu quyết vấn đề đó.
    b. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi hoặc quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì

nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ phi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

11. Khai báo quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới một hợp đồng hoặc một thỏa thuận đang giao kết hoặc dự kiến giao kết với Ngân hàng, thì phải khai báo ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị bàn về hợp đồng hoặc giao kết đó; hoặc tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất kể từ thời điểm thành viên đó biết việc có liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
13. Trong trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
    a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
    b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
14. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác; nhưng không được tham gia biểu quyết.
15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
    a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
    b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
    c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên

Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

16. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, có đầy đủ các nội dung quy định pháp luật, và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ chối ký biên bản, thì người ghi biên bản ghi rõ trong biên bản về việc thành viên Hội đồng quản trị đó từ chối ký biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được chủ tọa, các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản ký tên. Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.
2. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
3. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng nhiều hình thức, nhưng phải đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được đầy đủ và kịp thời
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Vấn đề cần lấy ý kiến;
   d. Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
5. Thư ký công ty kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
   c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
   e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu kèm quyết định, nghị quyết mà Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định, nghị quyết được thông qua tại cuộc Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
   a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Báo cáo tài chính;
   c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
   d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát;
   e. Các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;
   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
   c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
   d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện bằng văn bản. Cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể

từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết đó.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày….. , và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 1906/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu.
2. Nội dung chuyển tiếp

a. Hội đồng quản trị được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy đinh tại Điều 6 của Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ hiện tại.

b. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này, được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hiện tại.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy